TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 16

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số «Năm triệu không trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi hai» viết là:

A. 50 320 172 **B.** 5 032 172 **C.** 5 032 072 **D.** 5 132 172

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 5 780 702 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 5 700 000 **B.** 6 000 000 **C.** 5 780 000 **D.** 5 800 000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 4 571 270, 4 271 570, 4 572 270, 4 271 470 là:

A. 4 271 570 **B.** 4 572 270 **C.** 4 271 470 **D.** 4 571 270

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 7350 + 273 = 273 + …….

A. 7077 **B.** 7623 **C.** 7350 **D.** 273

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 2320, hiệu của chúng là 1704. Số lớn là:

A. 308 **B.** 2012 **C.** 616 **D.** 3716

Câu 6. *(0,5 điểm)* Với m = 8964, n = 2581, p = 2166 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 4217 **B.** 7549 **C.** 9379 **D.** 8549

Câu 7. *(0,5 điểm)* 8000 kg = ……. tấn

A. 8 **B.** 80 **C.** 800 **D.** 9

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành ABCD có AB = 28 cm, BC = 15 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 112 cm **B.** 420 cm **C.** 43 cm **D.** 86 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 298 367, 296 378, 293 768, 297 368, 397 368.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 263 211 + 126 760 = …….

b) 727 539 − 301 270 = …….

c) 13 665 × 5 = …….

d) 17 712 : 8 = …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 69 kg = ……. kg

b) 8 tạ = ……. yến

c) 9 m² 71 dm² = ……. dm²

d) 3 phút 50 giây = ……. giây

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

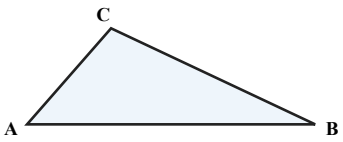
a) 7 tấn 50 kg ……. 1200 kg

b) 3 m² 50 dm² ……. 350 dm²

c) 2 thế kỉ ……. 200 năm

d) 588 618 ……. 587 618

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Tú là 49 tuổi, mẹ hơn Tú 29 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, Tú bao nhiêu tuổi?

a) Tuổi mẹ: ……. tuổi

b) Tuổi Tú: ……. tuổi

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 16

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	B	C	B	D	A	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 397 368, 298 367, 297 368, 296 378, 293 768

b) 397 368 − 293 768 = 103 600

Câu 10.

a) 263 211 + 126 760 = 389 971

b) 727 539 − 301 270 = 426 269

c) 13 665 × 5 = 68 325

d) 17 712 : 8 = 2214

Câu 11.

a) 6000 + 69 = 6069

b) 1 tạ = 10 yến: 80

c) 900 + 71 = 971

d) 3 × 60 + 50 = 230

Câu 12.

a) 7050 > 1200

b) 350 = 350

c) 200 = 200

d) 588 618 > 587 618

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Tuổi Tú: (49 − 29) : 2 = 10 (tuổi)

Tuổi mẹ: 10 + 29 = 39 (tuổi)